

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ TNDKSP: 058/2023/ĐKSP

METACARE 2+

Năm 2023

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 11 năm 2023

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 058/2023/ĐKSP

Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **Metacare 2+**

do CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE; địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh sản xuất phù hợp với:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

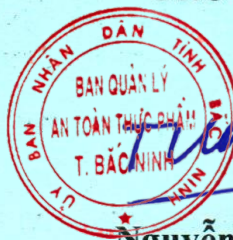
- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 68/2023/TCSP-NUTRI

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Vinh Thanh

Ký bởi: Ban quản lý an toàn thực phẩm
tỉnh Bắc Ninh
Ngày ký: 27-11-2023 09:55:31 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 68/2023/CBSP-NUTRI

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 02466833368

E-mail: nutricare82@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Metacare 2+

2. Thành phần:

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricanxi phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), DHA từ dầu cá, Cholin, Sữa Non Colos 24h, Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:



Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương,
Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 68/2023/TCSP-NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

C.P. N

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100g bột Per 100g	Trong 1 ly pha chuẩn Per serving (210 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	467	187
Đạm/Protein	g	17.0	6.80
Lysin/Lysine	mg	1259	504
Isoleucin/Isoleucine	mg	1450	580
Valin/Valine	mg	787	315
Arginin/Arginine	mg	948	379
Histidin/Histidine	mg	629	252
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	419	167
Tyrosin/Tyrosine	mg	662	265
Theonin/Theonine	mg	576	230
Methionin/Methionine	mg	667	267
Tryptophan/Tryptophan	mg	362	145
Cystin/Cystine	mg	219	87.6
Axit glutamic/Glutamic acid	mg	214	85.4
Prolin/Proline	mg	3254	1302
Chất béo/Lipid	g	1418	567
DHA (Docosahexaenoic acid)	g	19.0	7.60
Carbohydrate tổng/Total carbohydrate	g	30.0	12.0
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	59.0	23.6
Prebiotics (FOS/Inulin)	g	3.00	1.20
Sữa Non Colos 24h/Colostrum Colos 24h	mg	100	40.0
IgG	mg	20.0	8.00
Taurin/Taurine	mg	37.1	14.8
Cholin/Choline	mg	160	64.0
Lợi khuẩn/Postbiotic (Lactococcus lactis)	tế bào	10.5 x 10 ⁹	4.20 x 10 ⁹
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1667	667
Vitamin D3	IU	420	168
Vitamin E	IU	9.40	3.76
Vitamin K1	µg	16.5	6.61
Vitamin K2	µg	16.0	6.40
Vitamin C	mg	88.9	35.6
Vitamin B1	µg	470	188
Vitamin B2**	µg	825	330
Niacin	µg	3870	1548
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	2141	857
Vitamin B6**	µg	892	357
Axit folic/Folic acid**	µg	156	62.4
Vitamin B12**	µg	1.73	0.69
Biotin	µg	13.6	5.44
Kháng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	296	119
Kali/Potassium	mg	477	191
Clor/Chloride	mg	510	204
Canxi/Calcium	mg	802	321
Phốt pho/Phosphorus	mg	539	216
Magiê/Magnesium	mg	54.1	21.6
Sắt/Iron	mg	9.92	3.97
Kẽm/Zinc	mg	8.50	3.40
Mangan/Manganese	µg	489	196
Đồng/Copper	µg	128	51.4
I-ốt/Iodine	µg	152	60.8
Selen/Selenium	µg	26.3	10.5
Crôm/Chromium	µg	9.62	3.85
Molybden/Molybdenum	µg	19.7	7.88

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricaxxi phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), DHA từ dầu cá, Cholin, Sữa Non Colos 24h, Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.
Milk powder, Vegetable fat, Maltodextrin, Sucrose, Prebiotics (FOS/Inulin), Soy protein, Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), DHA from fish oil, Choline, Colostrum Colos 24h, Premix of Calcium and Minerals from milk, Taurine, Vitamin K2 (MK7), Postbiotic (Lactococcus lactis), Synthetic flavour.
Product contains Milk, Soy protein, Fish oil.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Trẻ từ 2 – 10 tuổi. /For children from 2 – 10 years old.

CÔNG DỤNG/FEATURES:

Metacare 2+ thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cũng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi.
Metacare 2+ replaces snacks, supplements Energy, Protein and necessary nutrients for the development of children, suitable for physiological ages.

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/INSTRUCTIONS FOR PREPARATION:

- Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45- 50°C).
 - Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4 muỗng gạt Metacare 2+ (tương đương 40 g)./Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40g) of Metacare 2+.
 - Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml Metacare 2+. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng./Stir well until the powder is completely dissolved to get 210 ml Metacare 2+. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Finish using Metacare 2+ reconstituted feeding 1 hour after preparation.

LƯU Ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
Hàm lượng dinh dưỡng có thể dao động trong khoảng cho phép (Scan QR code để xem thông tin chi tiết).



metaCare

**ĐỂ KHÁNG KHỎE
TĂNG CÂN, CAO LỚN**



Khối lượng tịnh **Net.wt 400 g**
(1) Postbiotic

Dành cho trẻ từ 2 – 10 tuổi
Sản phẩm dinh dưỡng

52 DƯỠNG CHẤT

TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỂ KHÁNG

Bổ sung 10 tỷ Lợi khuẩn® (Postbiotic L.Lactis). Sữa Non Colos 24h nhập khẩu từ Mỹ giàu kháng thể IgG giúp tăng cường hệ miễn dịch tự nhiên, cùng **Chất xơ hòa tan FOS** giúp tăng cường lợi khuẩn giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh và ngăn ngừa táo bón.

METACARE 2+

Metacare 2+ được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung 10 tỷ Lợi khuẩn®, Sữa Non Colos 24h cung 52 dưỡng chất giúp bé tăng sức đề kháng, tăng cân, cao lớn.

TĂNG CÂN KHỎE MẠNH

52 dưỡng chất gồm Đạm, Vitamin nhóm B đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)** cũng Kẽm tăng cường chuyển hóa năng lượng và Lysin giúp bé ăn ngon miệng, tăng cân khỏe mạnh, bắt kịp đà tăng trưởng.

PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Đáp ứng 100% nhu cầu Canxi theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)** cùng Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi, giúp xương chắc khỏe, phát triển chiều cao vượt trội.

PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC

DHA, Cholin giúp bé phát triển não bộ cũng Axit folic giúp tăng khả năng ghi nhớ, học hỏi. Taurin hỗ trợ bảo vệ thị giác.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./Use 2 - 3 servings per day or follow doctor/dietitian's instructions.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

(1) Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus Lactis*), trong 3 ly Metacare 2+ pha chuẩn.
** Trong 3 ly Metacare 2+ pha chuẩn, đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng cho trẻ từ 2 – 9 tuổi.
* Khuyến nghị Sữa Non Colos 24h nhập khẩu từ Mỹ.

CHUYÊN SỨC KHÁCH HÀNG HIỆN BẮC: 1800.60.11 (phần phí hiện hành: 024.66.833.368)
Số điện thoại: 024.66.833.368
Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.
Bạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.
S6TNKSP- NSX và HSD: Xem trên bao bì.



CHĂM SỨC KHÁCH HÀNG HIỆN BẮC: 1800.60.11 (phần phí hiện hành: 024.66.833.368)
www.nutricare.com.vn



CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 68/2023/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.

Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội.

Địa chỉ VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Metacare 2+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricanxi phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), DHA từ dầu cá, Cholin, Sữa Non Colos 24h, Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100g
Năng lượng	kcal	374
Đạm	g	13.6
Lysin	mg	1007

Leucin	mg	1160
Isoleucin	mg	630
Valin	mg	758
Arginin	mg	503
Histidin	mg	335
Phenylalanin	mg	530
Tyrosin	mg	461
Threonin	mg	534
Methionin	mg	290
Tryptophan	mg	175
Cystin	mg	171
Axit glutamic	mg	2603
Prolin	mg	1134
Chất béo	g	15.2
DHA	mg	24
Carbohydrate tổng	g	47.2
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	2.4
Sữa Non Colos 24h	mg	80
IgG	mg	16
Cholin	mg	128
Taurin	mg	29.7
Lợi khuẩn/ Postbiotic(<i>Lactococcus lactis</i>)	Tế bào	8.4 x 10 ⁹
Vitamin		
Vitamin A	IU	1334
Vitamin D3	IU	336
Vitamin E	IU	7.52
Vitamin K1	µg	13.2
Vitamin K2	µg	12.8
Vitamin C	mg	71.1
Vitamin B1	µg	376
Vitamin B2	µg	660
Niacin	µg	4696
Axit pantothenic	µg	1713
Vitamin B6	µg	714

Axit folic	µg	125
Vitamin B12	µg	1.38
Biotin	µg	10.9
Khoáng chất		
Natri	mg	238
Kali	mg	382
Clo	mg	408
Canxi	mg	642
Phốt pho	mg	431
Magiê	mg	43.3
Sắt	mg	7.94
Kẽm	mg	6.80
Mangan	µg	391
Đồng	µg	102
I-ốt	µg	122
Selen	µg	21.0
Crôm	µg	7.70
Molypden	µg	15.8

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ từ 6-36 tháng tuổi và các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10 g	KPH
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0.02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
4	Asen	mg/kg	0.5
5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Thuộc nhóm Thực phẩm dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0.5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

5.4. Hàm lượng Melamin

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Melamin	mg/kg	2,5

5.5. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Đối tượng sử dụng

Trẻ từ 2 - 10 tuổi.

7. Công dụng

Metacare 2+ thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi.

8. Lượng dùng khuyến nghị

Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

9. Hướng dẫn cách pha

- 1) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 – 50°C) trước khi pha.
- 2) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4 muỗng gạt **Metacare 2+** (tương đương 40 g).
- 5) Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml **Metacare 2+**. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn)

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,

Hệ thống Quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN 

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN
DINH DƯỠNG NUTRICARE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 126/2025/CV-NU

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 10 năm 2025

V/v Thông báo cập nhật nhãn và tiêu
chuẩn sản phẩm sau công bố

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH

ĐẾN Số:..... Kính gửi: Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh - Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh

Ngày: 9/10/2025 Trước tiên, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (Nutricare) cảm ơn sự hỗ trợ của Quý

Chuyển: Chi cục đối với Công ty trong thời gian qua.

Số và ký hiệu HS: Sản phẩm của Nutricare đã thực hiện thủ tục đăng ký công bố sản phẩm tại Ban Quản lý An

toàn thực phẩm Tỉnh Bắc Ninh như sau:

Tên sản phẩm	Số TNDKSP	Ngày công bố
Metacare 2+	058/2023/ĐKSP	24/11/2023

Căn cứ Khoản 4, Điều 8 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 và Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023–2030 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025). Công ty chúng tôi xin phép được thông báo cập nhật nhãn và tiêu chuẩn sản phẩm của sản phẩm trên phù hợp với quy định hiện hành như sau:

1. Cập nhật nhãn sản phẩm

Nội dung thay đổi	Thông tin cũ	Thông tin điều chỉnh/ cập nhật
Cập nhật cách viết chữ “Đạm” trong bảng Giá trị dinh dưỡng trung bình	“Đạm”	“Chất đạm”
Cập nhật cách viết Carbohydrate trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình	“Carbohydrate tổng”	“Carbohydrat”
Cập nhật cách viết Sữa non Colos24h trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình	“Sữa non Colos24h”	“Từ Sữa Non Colos 24h”

Cập nhật cách viết cảnh báo thành phần dị ứng	“Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.”	“Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành, Cá.”
Cập nhật cách viết hương liệu	“Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm”	“Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.”
Bổ sung giá trị “Đường tổng số” trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình.		
Bổ sung câu “Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.”		
Cập nhật nội dung trong mục “Hướng dẫn sử dụng”	HƯỚNG DẪN CÁCH PHA: 1) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha. 2) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4 muỗng gạt Metacare 2+ (tương đương 40 g). 3) Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml Metacare 2+ . Thử độ nóng trước khi cho bé dùng. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.	HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha. 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút. 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C. 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột). 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.
Cập nhật nội dung trong mục “Lượng dùng khuyến nghị”	Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.	Trẻ từ 2 - 3 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày. <i>Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.</i>
Cập nhật nội dung trong mục “Bảo quản”	Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.	Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.
Bổ sung Cụm từ “Nhà máy Nutricare” trước thông tin đạt chứng nhận ISO, HACCP, GMP	Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.	Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.
Cập nhật địa chỉ Văn phòng giao dịch và địa chỉ nhà máy sản xuất	“Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:	THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:

theo địa giới hành chính mới	CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.6683.3368 Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.	CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE. VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare. Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Cập nhật cách viết Tiếng anh mục “ Khối lượng tịnh ”	“Net.wt”	“Net wt.”
Cập nhật cách viết chú thích hàm lượng các chất dinh dưỡng	Hàm lượng dinh dưỡng có thể dao động trong khoảng cho phép (Scan QR code để xem thông tin chi tiết)	(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.
Bổ sung Số Tiêu chuẩn: 68/2023/TCSP-NUTRI		

2. Cập nhật tiêu chuẩn sản phẩm số 68/2023/TCSP-NUTRI của sản phẩm theo quy định hiện hành.

Nội dung thay đổi	Thông tin cũ	Thông tin điều chỉnh/ cập nhật
Bổ sung giá trị “ Đường tổng số ” trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình.		
Cập nhật cách viết chữ “ Đạm ” trong bảng Giá trị dinh dưỡng trung bình	“ Đạm ”	“ Chất đạm ”
Cập nhật cách viết Carbohydrate trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình	“ Carbohydrate tổng ”	“ Carbohydrat ”
Cập nhật cách viết Sữa non Colos24h trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình	“ Sữa non Colos24h ”	“ Từ Sữa Non Colos 24h ”
Cập nhật cách viết hương liệu	“ Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm ”	“ Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm. ”
Cập nhật cách viết cảnh báo thành phần dị ứng	“ Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá. ”	“ Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Cá, Đậu nành. ”

<p>Cập nhật nội dung trong mục “Hướng dẫn sử dụng”</p>	<p>HƯỚNG DẪN CÁCH PHA:</p> <p>1) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50⁰C) trước khi pha. 2) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4 muỗng gạt Metacare 2+ (tương đương 40 g). 3) Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml Metacare 2+. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.</p>	<p>HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:</p> <p>1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha. 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút. 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C. 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột). 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.</p>
<p>Cập nhật nội dung trong mục “Lượng dùng khuyến nghị”</p>	<p>Dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.</p>	<p>Trẻ từ 2 - 3 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày. <i>Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.</i></p>
<p>Cập nhật nội dung trong mục “Bảo quản”</p>	<p>Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.</p>	<p>Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.</p>
<p>Cập nhật thông tin địa giới hành chính mới của Trụ sở và VPGD</p>	<p>Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare. Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội. Địa chỉ VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p>	<p>Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare. Địa chỉ trụ sở: Số 28, Ngõ 7A, Khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p>
<p>Bổ sung Cụm từ “Nhà máy Nutricare” trước thông tin đạt chứng nhận ISO, HACCP, GMP</p>	<p>Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP,</p>	<p>Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC</p>

	Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.	1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.
Cập nhật địa chỉ Văn phòng giao dịch và địa chỉ nhà máy sản xuất theo địa giới hành chính mới	<p>Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:</p> <p>CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE</p> <p>VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.</p> <p>Điện thoại: 024.6683.3368</p> <p>Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare</p> <p>Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.</p>	<p>THƯƠNG NHẬN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:</p> <p>CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.</p> <p>VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.</p> <p>Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.</p>
<p>Bộ mục 5.5. Các chỉ tiêu khác:</p> <p>- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.</p> <p>- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.</p>		

(Nhãn và tiêu chuẩn sản phẩm cập nhật chi tiết đính kèm).

Các nội dung (Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo...) không thay đổi so với nhãn đã công bố.

Nutricare cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm trên như đã công bố.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare xin thông báo đến Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 68/2023/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ trụ sở: Số 28, Ngõ 7A, Khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Metacare 2+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascobat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricanxi phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), DHA từ dầu cá, Cholin, Sữa Non Colos 24h, Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Postbiotic (Loại khuẩn *Lactococcus lactis*), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100g bột
Năng lượng/Energy	kcal	374
Chất đạm/Protein	g	13,6
Lysin/Lysine	mg	1007
Leucin/Leucine	mg	1160
Isoleucin/Isoleucine	mg	630
Valin/Valine	mg	758

Arginin/Arginine	mg	503
Histidin/Histidine	mg	335
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	530
Tyrosin/Tyrosine	mg	461
Threonin/Threonine	mg	534
Methionin/Methionine	mg	290
Tryptophan/Tryptophan	mg	175
Cystin/Cystine	mg	171
Axit glutamic/Glutamic acid	mg	2603
Prolin/Proline	mg	1134
Chất béo/Lipid	g	15,2
DHA (<i>Docosahexaenoic acid</i>)	mg	24,0
Carbohydrat/Carbohydrate	g	44,8
Đường tổng số/Total sugars	g	22,3
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	2,40
IgG	mg	16,0
Từ Sữa Non Colos 24h/From Colostrum Colos 24h	mg	80,0
Taurin/Taurine	mg	29,7
Cholin/Choline	mg	128
Lợi khuẩn/Postbiotic (<i>Lactococcus lactis</i>)	tế bào	8,4 x 10 ⁹
Vitamin/Vitamins		
Vitamin A	IU	1334
Vitamin D3	IU	336
Vitamin E	IU	7,52
Vitamin K1	µg	13,2
Vitamin K2	µg	12,8
Vitamin C	mg	71,1
Vitamin B1	µg	376
Vitamin B2	µg	660
Niacin	µg	4696
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	1713
Vitamin B6	µg	714
Axit folic/Folic acid	µg	125
Vitamin B12	µg	1,38
Biotin	µg	10,9
Khoáng chất/Minerals		
Natri/Sodium	mg	238

Kali/Potassium	mg	382
Clo/Chloride	mg	408
Canxi/Calcium	mg	642
Phốt pho/Phosphorus	mg	431
Magiê/Magnesium	mg	43,3
Sắt/Iron	mg	7,94
Kẽm/Zinc	mg	6,80
Mangan/Manganese	µg	391
Đồng/Copper	µg	102
I-ốt/Iodine	µg	122
Selen/Selenium	µg	21,0
Crôm/Chromium	µg	7,70
Molypden/Molybdenum	µg	15,8

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10 g	KPH
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Asen	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) (<i>Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc</i>)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
-----	--------------	--------	------------

1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0,5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

5.4. Hàm lượng Melamin

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Melamin	mg/kg	2,5

6. Đối tượng sử dụng

Trẻ từ 2 - 10 tuổi.

7. Công dụng

Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi.

8. Lượng dùng khuyến nghị

Trẻ từ 2 - 3 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 – 3 ly/ngày.

Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

9. Hướng dẫn cách pha

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
 - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C.
 - 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột).
 - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn)

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000** & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001**.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

T.C.P



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES*

Thành phần Component	Đơn vị Unit	Hàng 100g sữa Per 100g powder	Hàng 1 thìa sữa bột Per serving (21g sữa)
Năng lượng/Energy	kcal	467	187
Chất đạm/Protein	g	17,0	6,80
Lysin/Lysine	mg	1259	504
Leucine/Leucine	mg	1458	589
Isoleucine/Isoleucine	mg	782	315
Valine/Valine	mg	948	379
Arginine/Arginine	mg	629	252
Histidine/Histidine	mg	419	167
Phenylalanine/Phenylalanine	mg	602	245
Tyrosine/Tyrosine	mg	516	206
Threonine/Threonine	mg	667	267
Methionine/Methionine	mg	362	145
Tryptophan/Tryptophan	mg	219	87,6
Cystine/Cystine	mg	214	85,4
Acid glutamic/Glutamic acid	mg	3254	1302
Proline/Proline	mg	1418	567
Chất béo/Fat	g	19,0	7,60
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	30,0	12,0
Carbohydrat/Carbohydrate	g	56,0	22,4
Đường tổng và Total sugars	g	27,4	11,2
Chất chỉ số đường huyết (FOS) Fructan	g	3,00	1,20
IGC	mg	20,0	8,00
Ti, Sữa Non Colos 24h/Non Colosium Colos 24h	mg	100	40,0
Threonine/Threonine	mg	87,1	34,8
Choline/Choline	mg	160	64,0
Lợi khuẩn/Probiotic (Lactococcus lactis)	ti bào	10,5 x 10 ⁹	4,20 x 10 ⁹
Viตามิน/Vitamins			
Vitamin A	IU	1657	667
Vitamin E	IU	420	168
Vitamin B1	mg	9,49	3,76
Vitamin B2	mg	16,5	6,61
Vitamin B6	mg	16,0	6,40
Vitamin B12	mg	88,9	35,6
Vitamin B12**	pg	470	189
Vitamin B12**	pg	825	330
Vitamin B12**	pg	5070	2028
Acid ascorbic/Ascorbic acid	mg	214	85,7
Acid folic/Folic acid**	mg	892	357
Vitamin B12**	pg	156	62,4
Biotin	mg	1,73	0,69
Biotin	mg	13,6	5,44
Mi khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	298	119
Kali/Potassium	mg	477	191
Canxi/Calcium	mg	510	204
Canxi/Calcium	mg	802	321
Phot pho/Phosphorus	mg	539	216
Magnesi/Magnesium	mg	51,1	21,6
Canxi/Calcium	mg	632	253
Canxi/Calcium	mg	850	340
Mangan/Manganese	mg	489	196
Đồng/Copper	mg	128	51,4
Seleni/Selenium	mg	15,2	6,08
Seleni/Selenium	mg	26,3	10,5
Chromium/Chromium	mg	9,22	3,65
Molybden/Molybdenum	ppm	19,7	7,88

✓ THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phyloquinone, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricaxsi phosphat, Magie oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crom clorid, Natri molybdat), DHA từ dầu cá, Choline, Sữa Non Colos 24h, Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Probiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Milk powder, Vegetable fat, Maltodextrin, Sucrose, Probiotic (FOS/Inulin), Soy protein, Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phyloquinone, Sodium L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Nicotinamide, Calcium D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, folic acid, Cyanocobalamin, D-biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Zincum phosphate, Manganese oxide, iron pyrophosphate, zinc sulfate, sodium selenite, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), DHA from fish oil, Choline, Colosium Colos 24h, Premix of Calcium and Minerals from milk, Taurine, Vitamin K2 (MK7), Probiotic (Lactococcus lactis), Synthetic flavor.

✓ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Trẻ từ 2 - 10 tuổi, Trẻ chích ngừa 2 - 10 years old.

✓ CÔNG DỤNG/FEATURE:

Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các đường chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi.

Replaces snacks, supplements Energy, Protein and necessary nutrients for the development of children, suitable for physiological ages.

✓ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

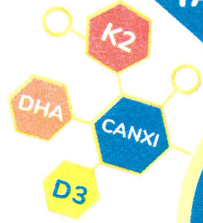
- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha./Wash your hands with soap and water.
 - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50°C./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50°C).
 - 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột)/Pour 180 ml of water into the utensil, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder).
 - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng./Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Finish using product reconstituted/feeding 1 hour after preparation.

[mg]: Số phân tử chất dinh dưỡng có trong mỗi thìa sữa bột sau, không tính chất ngọt tự nhiên của sữa.
[ppm]: Chất dinh dưỡng có trong mỗi muỗng phân tử bột sữa.
[ti bào]: Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thay đổi theo thời gian và nhiệt độ.
[ti bào]: Probiotic (Lactococcus lactis), lượng 1 ti. Metacare 2+ pha sữa.



metaCare

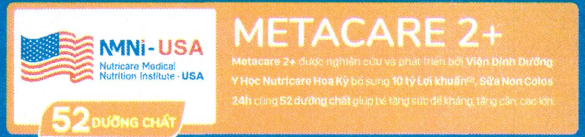
**ĐỂ KHÁNG KHỎE
TĂNG CÂN, CAO LỚN**



52 ĐƯỜNG CHẤT

Khối lượng tịnh
Net wt.: **850 g** (2) Pasteurized

Dành cho trẻ từ 2 - 10 tuổi
Sản phẩm dinh dưỡng



TÌU HÒA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG

Bổ sung 10 tỷ lợi khuẩn⁽¹⁾ (Probiotic L.Lactis). Sữa Non Colos 24h giúp kháng từ tự nhiên, tăng cường hệ miễn dịch tự nhiên, cùng Chất xơ hòa tan FOS giúp tăng cường lợi khuẩn giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh và ngăn ngừa táo bón.

TĂNG CÂN KHỎE MẠNH

52 đường chất gồm Đạm, Vitamin nhóm B đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)⁽²⁾ cùng Kẽm tăng cường chuyển hóa năng lượng và Lysin giúp bé ăn ngon miệng, tăng cân khỏe mạnh, bất kể đã tăng trưởng ngoài tầm bìn.

PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Đáp ứng 100% nhu cầu Canxi theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)⁽²⁾ cùng Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi, giúp xương chắc khỏe, phát triển chiều cao vượt trội.

PHÁT TRIỂN THÍ NHO, THÍ GIÁC

DHA, Cholesterol giúp phát triển não bộ cùng Acid folic giúp tăng khả năng ghi nhớ học hỏi. Taurin hỗ trợ bảo vệ thị giác.

✓ LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Trẻ từ 2 - 3 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày. Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./For children aged 2 - 3 years, 2 servings per day. For children aged above 3 up to 10 years: 2 - 3 servings per day. Or follow doctor/dietitian's instructions.

✓ BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opening.

* Nguyên liệu Sữa Non Colos 24h nhập khẩu từ Mỹ.
** Hàng 1 ti. Metacare 2+ pha chuẩn đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng cho trẻ từ 2 - 10 tuổi.

THƯƠNG HIỆU CHỦ TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.
VPGD: Số 5, Khu A, TTTT Hầm Lớn, Phường Hồ Đắc Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Số fax và telex: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Hà Nội: 1-Là Văn, 2- Như cũng giúp Thuận Thành 3, Phường Trì Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam, HX và HSD: Xem trên bao bì.
Nhà máy Nutricare đáp ứng hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1989, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.
SĐT: 035. 059.2023; BKS: 56. Tiêu chuẩn: GB/2023/FCSP-NUTRI.



Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG MIỄN PHÍ: 1.800.631.1766 (giờ hành chính) 035.390.5888
www.nutricare.com.vn



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES⁽¹⁾

Thành phần Component	Trong 100g bột Per 100g powder	Trong 15 gói bột Per serving (270ml)	
Năng lượng/Energy	kcal	467	187
Chất đạm/Protein	g	17,0	6,80
Lysin/Lysine	mg	1259	504
Leucine/Leucine	mg	1450	580
Isoleucine/Isoleucine	mg	787	315
Valin/Valine	mg	948	379
Arginin/Arginine	mg	629	252
Histidin/Histidine	mg	419	167
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	662	265
Tyrosin/Tyrosine	mg	576	230
Threonin/Threonine	mg	667	267
Methionin/Methionine	mg	362	145
Tryptophan/Tryptophan	mg	219	87,6
Cystin/Cystine	mg	214	85,4
Acid glutamic/Glutamic acid	mg	3254	1302
Protein/Protein	mg	1418	567
Chất béo/Lipid	g	19,0	7,60
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	30,0	12,0
Carbohydrat/Carbohydrate	g	56,0	22,4
Đường tổng số/Total sugars	g	27,9	11,2
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	3,00	1,20
Prebiotics (FOS/Inulin)	g	3,00	1,20
IgG	mg	20,0	8,00
Từ Sữa Non Colo 24h/From Colostrum Colo 24h	mg	100	40,0
Taurin/Taurine	mg	37,1	14,8
Cholin/Choline	mg	160	64,0
Lợi khuẩn/Postbiotic (Lactococcus lactis)	10 ¹⁰ x 10 ⁹	10,5 x 10 ⁹	4,20 x 10 ⁹
Vitamin/Vitamins	IU	1667	667
Vitamin D3	IU	420	168
Vitamin E	IU	9,40	3,76
Vitamin B1	µg	16,5	6,61
Vitamin K2	µg	16,0	6,40
Vitamin C	mg	88,9	35,6
Vitamin B12	µg	470	188
Vitamin B2**	µg	825	330
Niacin	µg	5870	2348
Acid pantothenic/Pantothenic acid	µg	2141	857
Vitamin B6**	µg	892	357
Acid folic/Folic acid**	µg	156	62,4
Vitamin B12**	µg	1,73	0,69
Biotin	µg	13,6	5,44
Khoáng chất/Minerals	mg	296	119
Natri/Sodium	mg	477	191
Kali/Potassium	mg	510	204
Clor/Chloride	mg	802	321
Canxi/Calcium	mg	539	216
Phốt pho/Phosphorus	mg	541	216
Magie/Magnesium	mg	9,92	3,97
Sắt/iron	mg	4,50	1,80
Kẽm/Zinc	mg	469	196
Mangan/Manganese	µg	128	51,4
Đồng/Copper	µg	152	60,8
I-Đi-đi-đi-đi	µg	26,3	10,5
Selen/Selenium	µg	9,62	3,85
Cromi/Chromium	µg	19,7	7,88
Molybden/Molybdenum	µg	19,7	7,88

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phyloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Acid folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricaxin phosphat, Magie oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crom clorid, Natri molybdat), DHA từ dầu cá, Cholin, Sữa Non Colo 24h, Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus lactis), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Milk powder, Vegetable fat, Maltodextrin, Sucrose, Prebiotics (FOS/Inulin), Soy protein, Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phyloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Nicotinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate, DHA from fish oil, Choline, Colostrum Colo 24h, Premix of Calcium and Minerals from milk, Taurine, Vitamin K2 (MK7), Postbiotic (Lactococcus lactis), Synthetic Flavour.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Trẻ từ 2 – 10 tuổi /for children from 2 – 10 years old.

CÔNG DỤNG/FEATURE:

Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cũng cả đường chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi.

Replaces snacks, supplements Energy, Protein and necessary nutrients for the development of children, suitable for physiological ages.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

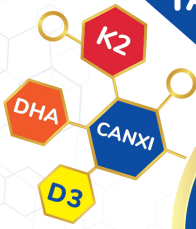
- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha./Wash your hands with soap and water.
 - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50 °C).
 - 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột)/Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder).
 - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng./Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Finish using product reconstituted feeding 1 hour after preparation.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành, Cá. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.
 (1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.
 (2) Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus Lactis), trong 3 ly Metacare 2+ pha chừa.



metaCare

**ĐỂ KHÁNG KHỎE
TĂNG CÂN, CAO LỚN**



Khối lượng tịnh
Net wt.: 850 g (2) Postbiotic

Dành cho trẻ từ 2 – 10 tuổi
Sản phẩm dinh dưỡng

METACARE 2+

Metacare 2+ được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung 10 tỷ Lợi khuẩn⁽²⁾, Sữa Non Colo 24h cùng 52 đường chất giúp bổ tăng sức đề kháng, tăng cân, cao lớn.

52 ĐƯỜNG CHẤT

TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG

Bổ sung 10 tỷ Lợi khuẩn⁽²⁾ (Postbiotic L.Lactis). Sữa Non Colo 24h nhập khẩu từ Mỹ giàu kháng thể IgG giúp tăng cường hệ miễn dịch tự nhiên, cùng Chất xơ hòa tan FOS giúp tăng cường lợi khuẩn giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh và ngăn ngừa táo bón.

TĂNG CÂN KHỎE MẠNH

52 đường chất gồm Đạm, Vitamin nhóm B đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)** cùng Kẽm tăng cường chuyển hóa năng lượng và Lysin giúp bổ an ngon miệng, tăng cân khỏe mạnh, bất kíp đã tăng trưởng.

PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Đáp ứng 100% nhu cầu Canxi theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)** cùng Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi, giúp xương chắc khỏe, phát triển chiều cao vượt trội.

PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC

DHA, Cholin giúp bổ phát triển não bộ cùng Acid folic giúp tăng khả năng ghi nhớ, học hỏi. Taurin hỗ trợ bảo vệ thị giác.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:
 Trẻ từ 2 - 3 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày. Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./For children aged 2 - 3 years: 2 servings per day. For children aged above 3 up to 10 years: 2 - 3 servings per day. Or follow doctor/dietitian's instructions.

BẢO QUẢN/STORAGE:
 Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.
 *Nguyệt Hết Sữa Non Colo 24h nhập khẩu từ Mỹ.
 ** Trong 3 ly Metacare 2+ pha chuẩn đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng cho trẻ từ 2 - 9 tuổi.

**THƯỜNG NHẬN CHU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:
 CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**
 VP/GD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh Dưỡng Nutricare.
 Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
 Xuất xứ: Việt Nam. NSX và HSD: Xem trên bao bì.
 Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp HAC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.
 SĐT: NSXP: 0582/2023/ĐKSP. ĐKSP: 56/2023/ĐKSP. ĐKSP: 68/2023/TCSF-NUTRI

Tim hiểu thêm về sản phẩm tại đây

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
 MIỄN BẮC: 1.800.001.124 (miễn phí)
 MIỄN NÂM: 028.7.300.9888
 www.nutricare.com.vn

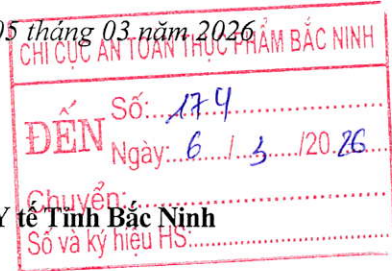
8 9 3 6 1 2 6 7 2 5 8

CÔNG TY CỔ PHẦN
DINH DƯỠNG NUTRICARE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61 /2026/CV-NU
V/v Thông báo cập nhật tiêu chuẩn
sản phẩm sau công bố

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2026



Kính gửi: Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh - Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (sau đây gọi tắt là “Công ty”) xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Chi cục trong suốt quá trình thực hiện công bố sản phẩm tại địa phương trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi đã thực hiện thủ tục Đăng ký công bố sản phẩm sau tại Ban Quản lý an toàn thực phẩm Tỉnh Bắc Ninh:

Tên sản phẩm	Số TNDKSP	Ngày công bố
Metacare 2+	058/2023/ĐKSP	24/11/2023

Căn cứ Khoản 4, điều 8, Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, Công ty xin phép được thông báo cập nhật một số chỉ tiêu an toàn trong tiêu chuẩn sản phẩm của sản phẩm nêu trên phù hợp với quy định hiện hành, cụ thể:

Thông tin cũ			Thông tin cập nhật		
Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
<i>Enterobacteriaceae</i>	/10 g	KPH	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10

Bổ sung chỉ tiêu Nội độc tố của *Staphylococcus* (*Staphylococcal enterotoxin*):

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i> (<i>Staphylococcal enterotoxin</i>)	/25g	KPH



(Tiêu chuẩn sản phẩm cập nhật chi tiết đính kèm.)

Các nội dung khác trong bản công bố và nhãn sản phẩm (Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo) không thay đổi so với hồ sơ đã công bố. Công ty cam kết đảm bảo chất lượng, an toàn và phù hợp quy định hiện hành.

Kính mong Quý Chi cục ghi nhận và lưu hồ sơ theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh



CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 68/2023/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Địa chỉ trụ sở: Số 28, Ngõ 7A, Khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: 024 66833368 Fax: 0437858999
E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Metacare 2+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricanxi phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), DHA từ dầu cá, Cholin, Sữa Non Colos 24h, Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, Taurin, Vitamin K2 (MK7), Postbiotic (Loại khuẩn *Lactococcus lactis*), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100g bột
Năng lượng/Energy	kcal	374
Chất đạm/Protein	g	13,6
Lysin/Lysine	mg	1007
Leucin/Leucine	mg	1160
Isoleucin/Isoleucine	mg	630
Valin/Valine	mg	758

Arginin/ <i>Arginine</i>	mg	503
Histidin/ <i>Histidine</i>	mg	335
Phenylalanin/ <i>Phenylalanine</i>	mg	530
Tyrosin/ <i>Tyrosine</i>	mg	461
Threonin/ <i>Threonine</i>	mg	534
Methionin/ <i>Methionine</i>	mg	290
Tryptophan/ <i>Tryptophan</i>	mg	175
Cystin/ <i>Cystine</i>	mg	171
Axit glutamic/ <i>Glutamic acid</i>	mg	2603
Prolin/ <i>Proline</i>	mg	1134
Chất béo/Lipid	g	15,2
DHA (<i>Docosahexaenoic acid</i>)	mg	24,0
Carbohydrat/Carbohydrate	g	44,8
Đường tổng số/ <i>Total sugars</i>	g	22,3
Chất xơ hòa tan (FOS/ <i>Inulin</i>)	g	2,40
IgG	mg	16,0
Từ Sữa Non Colos 24h/ <i>From Colostrum Colos 24h</i>	mg	80,0
Taurin/ <i>Taurine</i>	mg	29,7
Cholin/ <i>Choline</i>	mg	128
Lợi khuẩn/ <i>Postbiotic (Lactococcus lactis)</i>	tế bào	8,4 x 10 ⁹
Vitamin/Vitamins		
Vitamin A	IU	1334
Vitamin D3	IU	336
Vitamin E	IU	7,52
Vitamin K1	µg	13,2
Vitamin K2	µg	12,8
Vitamin C	mg	71,1
Vitamin B1	µg	376
Vitamin B2	µg	660
Niacin	µg	4696
Axit pantothenic/ <i>Pantothenic acid</i>	µg	1713
Vitamin B6	µg	714
Axit folic/ <i>Folic acid</i>	µg	125
Vitamin B12	µg	1,38
Biotin	µg	10,9
Khoáng chất/Minerals		
Natri/ <i>Sodium</i>	mg	238

Kali/ <i>Potassium</i>	mg	382
Clo/ <i>Chloride</i>	mg	408
Canxi/ <i>Calcium</i>	mg	642
Phốt pho/ <i>Phosphorus</i>	mg	431
Magiê/ <i>Magnesium</i>	mg	43,3
Sắt/ <i>Iron</i>	mg	7,94
Kẽm/ <i>Zinc</i>	mg	6,80
Mangan/ <i>Manganese</i>	µg	391
Đồng/ <i>Copper</i>	µg	102
I-ốt/ <i>Iodine</i>	µg	122
Selen/ <i>Selenium</i>	µg	21,0
Crôm/ <i>Chromium</i>	µg	7,70
Molypden/ <i>Molybdenum</i>	µg	15,8

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
3	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100
5	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i> (<i>Staphylococcal enterotoxin</i>)	/25g	KPH

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Asen	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) (<i>Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc</i>)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0,5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

5.4. Hàm lượng Melamin

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Melamin	mg/kg	2,5

6. Đối tượng sử dụng

Trẻ từ 2 - 10 tuổi.

7. Công dụng

Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ, phù hợp sinh lý lứa tuổi.

8. Lượng dùng khuyến nghị

Trẻ từ 2 - 3 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 – 3 ly/ngày.

Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

9. Hướng dẫn cách pha

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
- 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C.
- 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột).
- 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng.

Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

284
TY
AN
ONG
ARE
TP. H

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg.
(Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn)

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

